

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số **354/2018/HC-PT**

Ngày : 09/4/2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định, hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Bảo Nguyên

Bà Lê Hồng Phụng

- Thư ký Pên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

- Đại diện V kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy
Ái - Kiểm sát viên tham gia Pên tòa

Trong các ngày 02 và 09 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 87/2017/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2017

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2017/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn Pên tòa số 2158/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 732/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn Pên tòa số 1455/2018/QĐPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử 1112/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2018, Quyết định tạm ngừng Pên tòa 2006/2018/QĐPT-HC ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Số 15/35 đường số 8, khu phố 5, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Huỳnh Nguyễn D (Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2012) (Có mặt) Địa chỉ: Số 15/35 đường số 8, khu phố 5, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Ngọc H (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2016) (Có mặt)

Địa chỉ: Số 105/31 đường S, Phường 12, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư Hoàng Minh T – Văn phòng luật sư Thuần Hoàng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1237 đường X, khu phố 2, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Luật sư Nguyễn Minh K – Chi nhánh Văn phòng luật sư PD thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Địa chỉ: Số 475/1/17 đường T, Phường 13, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Luật sư Trần Anh T – Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 513 đường P, Phường 8, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận C

Địa chỉ: 2/304 Xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch UBND Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 2111/UBND ngày 12/8/2016). (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Trần Thị Thu H - Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường Quận C. (Vắng mặt khi tuyên án)

(Văn bản về việc cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp số 2634/UBND ngày 15/9/2016).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn V.

Địa chỉ: Số 12 khu phố 2, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị P Y.

Địa chỉ: Số 89/1/49E khu phố 2, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Đình P.

Địa chỉ: Số 63 đường T, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị P B.

Địa chỉ: Số 63 đường T, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ C.

Địa chỉ: Số 98/1/49B khu phố 2, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Đình T.

Địa chỉ: Số 63 đường T, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V; bà Nguyễn Thị P Y; ông Nguyễn Đình P; bà Nguyễn Thị P B; bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Đình T có bà Lê Thị N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 6/7 đường U, khu phố 2, phường T, quận T, TP. Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2014 và ngày 17/7/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn V; bà Nguyễn Thị P Y; ông Nguyễn Đình P; bà Nguyễn Thị P B; bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Đình T: Luật sư Ngô Quốc V, Công ty Luật TNHH MTV A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

- Ông Dương Ngọc T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 9 đường 10, khu K, tổ 1, khu phố 6, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hoàng Thị Hương G.

Địa chỉ: Số 9 đường 10, khu K, tổ 1, khu phố 6, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Văn Đ.

Địa chỉ: Số 89/1/49/20 Đường 8, tổ 6, khu phố 5, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Hương G và ông Bùi Văn Đ: Ông Dương Ngọc T (theo văn bản ngày 11/01/2018 của văn phòng công chứng Phong Phú) (Vắng mặt)

- Ông Đỗ Văn H (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 614/66B khu phố 1, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa ngày 16/5/2013 và lời khai tại Tòa án, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Từ năm 1944, cha mẹ bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn H và bà Đoàn Thị H nhận chuyển nhượng lại phần đất 22.746m² tọa lạc tại phường B, Quận C. Ông H và bà L có 4 người con, tên Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn V.

Năm 1973, gia đình bà T đã dọn về đây cùng sống với ông Nguyễn Hoan. Không có ông V.

Sau ngày 30/4/1975, bà T, bà B và ông V cùng về ở trên phần đất này để canh tác sinh sống. Năm 1976, trong gia tộc, anh em đã thỏa thuận miệng: bà B sử dụng khoảng 3.000 m² có cất một căn nhà ở như hiện trạng. Bà T sử dụng khoảng 5.000m² và cất nhà ở như hiện nay. Bà T sử dụng khoảng 3.000m², bà T đã cất 02

căn nhà cho con là Huỳnh Nguyễn D và Huỳnh Nguyễn H cùng sử dụng. Ông V sử dụng khoảng 10.000m² có cất nhà để ở. Việc phân chia ranh đất không có cắm mốc, xây rào cụ thể, chỉ sử dụng các cây lâu năm như bụi tre làm mốc ranh giới, hiện một số cây này và bụi tre vẫn còn. Mỗi người đều có đóng thuế đối với phần diện tích sử dụng của mình.

Năm 1987 bà B đã nhượng lại 2.000m² đất trên cho bà T sử dụng; phần 1.000m² trồng cây lâu năm gửi lại cho bà T trông coi để về thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai sống cùng chồng con.

Khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công dân, với quan niệm các chị em gái là “nữ sanh ngoại tộc”, là con trai trong gia đình và lợi dụng không có hàng rào phân ranh cụ thể nên ông V đã lấn chiếm sang các phần đất của chị em bà T. Để giữ tình gia tộc, tránh các va chạm có thể xảy ra và bản thân bà T cũng không nghĩ đến ý muốn chiếm đoạt đất của ông V nên hai người con của bà T đã tạm thời dọn về ở với bà T; phía bà T thường xuyên đau bệnh phải vào bệnh V nên ông V đã tự thuê người đo đạc phần đất này dưới sự chỉ dẫn của ông V để tăng phần diện tích sử dụng của ông nhiều hơn. Chị em bà T đã khiếu nại và Ủy ban nhân dân (UBND) Quận C đã ra Quyết định số 87/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/8/1999 với nhận định: Phần đất tranh chấp có diện tích thực tế 22.746m² và đã bác đơn của bà Ba, bà T và bà T. Giữ nguyên hiện trạng thực tế đang sử dụng của hộ ông V. Chị em bà T tiếp tục khiếu nại và UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 785/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000 với nội dung là: Công nhận nội dung quyết định giải quyết khiếu nại số 87/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/8/1999 của UBND Quận C; Giao UBND Quận C xác định chính xác phần mờ mờ; Phần còn lại công nhận theo hiện trạng sử dụng cho các bà T, bà T, ông V. Không đồng ý với Quyết định trên nên đã tiếp tục khiếu nại, ngày 11/6/2008 UBND Quận C đã tổ chức thực hiện Quyết định số 785/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Tại biên bản thực nghiệm Quyết định số 48/BB-TTXXD ngày 11/6/2008 của Thanh tra Xây dựng Quận C có ghi: “.....Giữ nguyên hiện trạng thực tế đang sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thê và bà Nguyễn Thị T, các hộ trên phải liên hệ với phường B để đo đạc, xác định cụ thể diện tích của từng hộ và tiến hành đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định...”. Theo như hướng dẫn trên, bà T đã thực hiện các bước để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo “hiện trạng sử dụng”. Tuy nhiên kết quả đo đạc cho thấy UBND Quận C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP110663 ngày 28/4/2009 cho ông V (gọi tắt là GCNQSDĐ) đã lấn qua phần đất của bà T.

Vì vậy, Bà T khởi kiện: yêu cầu UBND Quận C thu hồi GCNQSDĐ và trang cập nhật biến động ông V đã chuyển quyền cho ông Dương Ngọc T, bà Hoàng Thị

Hương G, ông Bùi Văn Đ, ông Đỗ Văn H, ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị P Bằng, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị P Y. Yêu cầu UBND Quận C phải tiến hành đo đạc, xác định ranh giới đất của các hộ sử dụng theo Quyết định số 785/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân Quận C, có văn bản trình bày như sau:

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn V:

Ngày 26/02/2009, ông Nguyễn Văn V có đơn xin cấp GCNQSDĐ phần diện tích đất 10.000m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 35 (tài liệu 2003), phường B, Quận C. Phần đất này có nguồn gốc do ông Nguyễn Hoan đứng bộ, sử dụng. Năm 1998, các hộ trong gia tộc tranh chấp. Năm 2000, UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp. Hộ ông V trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Ngày 26/02/2009 UBND phường B niêm yết danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đất đối với ông Nguyễn Văn V, Tại thời điểm niêm yết xin cấp giấy không có đơn tranh chấp về phần đất nêu trên.

Ngày 28/4/2009, UBND Quận C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 110663 cho hộ ông Nguyễn Văn V phần đất 10.000m² thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35 (tài liệu 2003), phường B, Quận C (GCNQSDĐ).

Ngày 25/6/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận C cập nhật biến động về việc chuyển nhượng giữa hộ ông Nguyễn Văn V và các ông bà Dương Ngọc T (chuyển nhượng 1000m² đất thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35); bà Hoàng Thị Hương G (chuyển nhượng 1000m² đất thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35); ông Đỗ Văn H (chuyển nhượng 1000m² đất thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35); ông Bùi Văn Đ (chuyển nhượng 1000m² đất thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35).

Ngày 26/11/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận C cập nhật biến động việc tặng cho giữa hộ ông Nguyễn Văn V và các ông bà Nguyễn Đình T (tặng cho phần đất 1000m² thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35); bà Nguyễn Thị Mỹ C (tặng cho phần đất 1000m² thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35); ông Nguyễn Đình P (tặng cho phần đất 1000m² thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35); bà Nguyễn Thị P Y (tặng cho phần đất 1000m² thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 35).

- Đối với hành vi hành chính – xác định phạm vi đất thổ mộ giao cho các con của ông Nguyễn Hoan quản lý, thì UBND Quận C đã thực hiện đúng tinh thần Quyết định số 785/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Quyết định 785/QĐ-UB-TD):

Quyết định số 785/QĐ-UB-TD giải quyết khiếu nại có nội dung: “Nay công nhận nội dung quyết định giải quyết khiếu nại số 87/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/8/1999 của UBND Quận C giải quyết tranh chấp sử dụng đất của gia tộc ông Nguyễn Hoan là đúng quy định pháp luật. Giao UBND Quận C xác định chính xác

phần đất có mồ mà để giao cho các con ông Nguyễn Hoan quản lý chăm sóc. Phần đất còn lại theo hiện trạng sử dụng cho các ông bà Nguyễn Thị Thê, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn V”.

Ngày 11/6/2008, UBND Quận C thực hiện Quyết định số 785/QĐ-UB-TD (biên bản số 48/BB-TTXD ngày 11/6/2008); giao diện tích khoảng 1000m², trên đó có các phần ngôi mộ cho các con ông Nguyễn Hoan gồm bà Ba, bà T, bà T và ông V quản lý (đã cắm mốc ranh bằng cột cây sơn đỏ), giữ nguyên hiện trạng thực tế đang sử dụng của hộ ông V, bà T và bà T. Các hộ phải liên hệ UBND phường B, Quận C để đo đạc, xác định cụ thể diện tích của từng hộ và tiến hành đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Cùng ngày, Công an phường B đã lập biên bản ghi nhận sự việc ông Trần Quốc Toàn (con của bà T) tự ý đập ngã cột tầm vòng do đoàn công tác cắm mốc phần đất theo nội dung Quyết định số 785/QĐ-UB-TD.

Sau đó, từ năm 2009 ông Toàn liên tục gửi đơn khiếu nại, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền cấp trên liên quan đến phần đất nêu trên. Ngày 03/3/2014, UBND Thành phố có văn bản số 904/UBND-PCNC và văn bản số 905/UBND-PCNC xác định UBND Quận C đã thực hiện xong nội dung Quyết định số 785/QĐ-UB-TD, theo biên bản số 48/BB-TTXD ngày 11/6/2008 tức là đã xác định được đất có ngôi mộ 1000m² để giao cho gia tộc của ông Nguyễn Hoan;

Đối với phần đất còn lại (ngoài khu đất thổ mộ), thì Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD giao UBND Quận C công nhận hiện trạng cho các hộ sử dụng. Nội dung này có nghĩa là không cần xác định diện tích hiện trạng cho các hộ, vì đất của gia tộc nên quan điểm giải quyết thời điểm năm 2000 đất gia tộc để gia tộc tự giải quyết, tự phân ranh

Ngày 05/9/2015, Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 8358/VP-PCNC truyền đạt chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND Thành phố giao Chủ tịch UBND Quận C tổ chức, xác định đo đạc xác định chính xác phần diện tích đất thổ mộ, trên cơ sở đó lập thủ tục giao quản lý theo đúng nội dung Quyết định.

Quá trình đo đạc, phác thảo bản đồ nhưng các bên vẫn không thống nhất diện tích khu đất thổ mộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn V; bà Nguyễn Thị P Y; ông Nguyễn Đình P; bà Nguyễn Thị P Bằng; bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Đình T (có bà Lê Thị Năm đại diện theo ủy quyền) trình bày: Ông V, bà Y, ông P, bà Bằng, bà C, ông T thống nhất với ý kiến trình bày của UBND Quận C và không đồng ý đối với khởi kiện của bà T về việc thu hồi GCNQSDĐ cấp cho ông V và phần biến động sang tên trong GCNQSDĐ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2017/HCST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận C đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc UBND Quận C thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông V và trang cập nhật biến động trong giấy...

Yêu cầu UBND Quận C phải tiến hành đo đạc, xác định ranh giới đất của các hộ sử dụng theo Quyết định số 785/QĐ-UB-TD.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/10/2017, UBND Quận C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc UBND Quận C thu hồi GCNQSDĐ, yêu cầu giữ nguyên GCNQSDĐ.

Ngày 05/10/2017 ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị P Bằng, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị P Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; ngày 09/10/2017 bà Hoàng Thị Hương G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và ngày 13/10/2017 ông Dương Ngọc T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, liên quan đến nội dung: không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc UBND Quận C thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Văn V và cập nhật biến động trong giấy chứng nhận.

Ngày 09/10/2017, ông Bùi Văn Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với nội dung: không đồng ý xác định ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vì ông Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông V và đã được cấp mới giấy chứng nhận

Tại Pên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Phó chủ tịch UBND Quận C có đơn ngày 25/01/2018 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị P Bằng, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị P Y là bà Lê Thị Năm, vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Hoàng Thị Hương G, ông Bùi Văn Đ (có ông Dương Ngọc T đại diện vắng mặt), Dương Ngọc T, ông Đỗ Văn H vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - bà Nguyễn Thị T trình bày: GCNQSDĐ cấp cho ông V chồng lần qua ranh đất của bà T sử dụng (có bản vẽ năm 2017 thể hiện); UBND phường không mời bà T để đo đạc, xác định ranh đất; Nay bà T yêu cầu y án sơ thẩm, hủy GCNQSDĐ cấp cho ông V, buộc UBND Quận C đo đạc xác định ranh đất, nhằm mục đích công nhận hiện trạng quyền sử dụng đất cho bà T, như Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD có hiệu lực thi hành buộc UBND phải tiến hành công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, trong đó có hộ bà T nhưng UBND Quận

C lại công nhận quyền sử dụng đất cho ông V, chồng lần ranh đất của bà T. UBND không mời hộ bà T giải quyết đo vẽ xác định ranh là sai. Kháng cáo không đề cập đến phần nội dung của bản án sơ thẩm – yêu cầu UBND Quận C đo vẽ xác định ranh đất của bà T theo Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD của UBND TPHCM, nên đề nghị giữ nguyên phần này.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: UBND có mời nhiều lần hộ bà Nguyễn Thị T đến UBND để giải quyết đo đạc xác định ranh đất nhưng bà T không đến. GCNQSDĐ cấp cho ông V đúng trình tự thủ tục pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của UBND Quận C.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn V; bà Nguyễn Thị P Y; ông Nguyễn Đình P; bà Nguyễn Thị P Bằng; bà Nguyễn Thị Mỹ C và ông Nguyễn Đình T vắng mặt.

- Đại diện V Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính tại Pên tòa. Về nội dung: GCNQSDĐ cấp cho ông V, không các hộ liên kê ký xác nhận ranh đất, không mời các hộ có liên quan đến đo vẽ xác định ranh đất. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm, hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông V và trang cập nhật biến động. Kháng cáo của đương sự vắng mặt, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa và qua kết quả tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của UBND Quận C, làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

Người kháng cáo - ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị P Bằng, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị P Y (có bà Lê Thị Năm đại diện) đã bị Tòa thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ xét xử vào các ngày 12/01/2018, ngày 08/3/2018, ngày 20/3/2018; bà Hoàng Thị Hương G, ông Bùi Văn Đ (có ông Dương Ngọc T đại diện), ông Dương Ngọc T đã bị Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ xét xử vào ngày 12/01/2018, ngày 12/3/2018, ngày 16/3/2018, nhưng vắng mặt tại Pên tòa mở lần thứ ba, không lý do, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những đương sự nêu trên, theo điểm a khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

Ông Đỗ Văn H vắng mặt tại Pên tòa mở lần thứ ba, không lý do, mặc dù đã bị Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ xét xử vào các

ngày 10/01/2018, ngày 23/02/2018, ngày 16/3/2018, nên xét xử vắng mặt đương sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Luật sư Ngô Quốc Việt) đã bị Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử vào các ngày 15/01/2018, ngày 08/3/2018, ngày 19/3/2018 vắng mặt tại Pên tòa mở lần thứ 3, không lý do, nên Tòa xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

1.1. Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T nêu hai yêu cầu khởi kiện:

+ Yêu cầu thứ nhất: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 110663 (GCN QSDĐ) đã cấp cho ông Nguyễn Văn V ngày 28/4/2009, cập nhật biến động ngày 25/6/2009 ông Nguyễn Văn V đã chuyển nhượng cho ông Dương Ngọc T, bà Hoàng Thị Hương G, ông Bùi Văn Đ, ông Đỗ Văn H và cập nhật biến động ngày 26/11/2009 ông Nguyễn Văn V đã tặng cho ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị P Bằng, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị P Y;

Với lý do: quá trình cấp GCNQSDĐ cho ông V không có ký giáp ranh bản vẽ vị trí đất của các hộ sử dụng liền kề, trong đó có hộ bà T.

+ Yêu cầu thứ hai: Buộc UBND Quận C phải tiến hành đo đạc, xác định ranh giới đất, nhằm mục đích công nhận quyền sử dụng đất của các hộ (trong đó có bà T) sử dụng theo Quyết định số 785/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh;

Lý do: chưa đo đạc, xác định ranh giới phân đất sử dụng giữa các hộ.

Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý xét xử, đúng qui định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1.2 Tư cách đương sự trong vụ án: người khởi kiện – bà Nguyễn Thị T (bản khai ngày 12/01/2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, văn bản ủy quyền 19/6/2016 cho ông Huỳnh Nguyễn Dũng đại diện, văn bản ủy quyền ngày 15/12/2016 cho ông Nguyễn Ngọc Hùng đại diện); Người bị kiện – UBND Quận C, có chủ tịch làm người đại diện theo pháp luật và Chủ tịch ủy quyền cho Phó Chủ tịch-ông Nguyễn Văn Thành, theo văn bản ủy quyền số 2111/UBND ngày 12/8/2016 tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - gồm tất cả ông bà có tên trong GCNQSDĐ AP 110663 và trong trang cập nhật biến động trong giấy.

1.3 Đối tượng khởi kiện: trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của bà T, xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính – GCNQSDĐ AP 110663 và hành vi hành chính - không công nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng của các hộ, trong đó có hộ bà T và ông V, theo như Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD.

1.4 Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 19/6/2012 bà T gửi đơn kiện đến Tòa án nhân dân Quận C (biên nhận đơn số 782/HCT), khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và cuối đơn yêu cầu *thu hồi* (hủy) GCNQSDĐ đã cấp cho ông V và những người nhận chuyển nhượng sau đó. Tòa án thông báo trả đơn với lý do đơn kiện chưa rõ yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính hay Quyết định hành chính, người bị kiện chưa rõ. Ngày 26/3/2013 Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 71/2013/QĐ-TATP, quyết định Tòa án nhân dân Quận C nhận lại đơn kiện của bà T và hướng dẫn đương sự sửa đổi nội dung đơn kiện phù hợp theo luật định. Do đó tính từ ngày 19/6/2012 bà T đã thực hiện gửi đơn kiện.

Xét Quyết định hành chính và hành vi hành chính mà bà T khởi kiện, đã được UBND Quận C giải quyết khiếu nại của bà T bởi văn bản số 1508/UBND-TNMT ngày 15/10/2009 (*UBND Quận C ghi nhận tại văn bản số 1544/UBND-TNMT ngày 18/10/2011 trả lời từ chối thụ lý khiếu nại của bà T*) ;

Do đó tính đến ngày gửi đơn kiện, bà T đã thực hiện khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện, theo Điều 3 Nghị Quyết 56/UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Lưu ý Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm khi căn cứ văn bản số 1544/UBND-TNMT ngày 18/10/2011 của UBND Quận C, tính lại thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật TTHC, là sai, vì văn bản này có nội dung từ chối thụ lý giải quyết khiếu nại, không phải là văn bản giải quyết khiếu nại.

[2] Về nội dung khởi kiện :

[2.1] Xét khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 110663 do UBND Quận C cấp ngày 28/4/2009 (GCNQSDĐ) và trang cập nhật biến động trong GCNQSDĐ:

2.1.1. Thẩm quyền ban hành GCNQSDĐ: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Quận C của hộ gia đình, do đó UBND Quận C cấp CNQSDĐ là đúng với khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003.

2.1.2. Cơ sở pháp lý ban hành GCNQSDĐ AP 110663:

Đối tượng khởi kiện – GCNQSDĐ AP 110663 cấp cho ông Nguyễn Văn V, phần đất đó thuộc một phần của diện tích đất khoảng 22.746m² do ông Nguyễn Hoan đứng bộ, thuộc các lô 103a, 103b, 103c (tài liệu cũ), nay thuộc các lô 740, 741, 742, 743 tờ bản đồ số 4 (tài liệu 299/TTg), tọa lạc tại phường Nhơn Phú B, Quận C. Ông Hoan có các người con: Nguyễn Thị Ba, Nguyễn Thị Thê, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn V.

Ngày 09/8/1999 UBND Quận C ban hành Quyết định 87/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/8/1999 giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai, giữa bà Nguyễn Thị Ba, Nguyễn

Thị Thê, Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V (gọi tắt là Quyết định 87/1999/QĐ-UB-QLĐT), nội dung:

+ *Giao diện tích khoảng 1.000m² trên đó có 15 ngôi mộ cho các con ông Nguyễn Hoan, gồm bà Nguyễn Thị Ba, Nguyễn Thị Thê, Nguyễn Thị T và ông Ngôn Văn V (chính xác theo nội dung giải quyết là tên Nguyễn Văn V) quản lý.*

+ *Giữ nguyên hiện trạng thực tế đang sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thê và bà Nguyễn Thị T...*

Ngày 31/10/2000 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại tiếp theo số 785/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000, có nội dung:

+ *Công nhận nội dung Quyết định số 87/1999/QĐ-UB-QLĐT*

+ *Giao UBND Quận C xác định chính xác phần đất có mồ mã để giao cho các con của ông Nguyễn Hoan (tức là gồm có bà Nguyễn Thị ba, Nguyễn Thị Thê, Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V) quản lý chăm sóc.*

+ *Phần đất còn lại công nhận theo hiện trạng sử dụng cho các ông, bà Nguyễn Thị Thê, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn V.*

Xét Quyết định 87/1999/QĐ-UB-QLĐT của UBND Quận C có nội dung giải quyết tranh chấp đất đai giữa các cá nhân, hộ gia đình với nhau, là đúng thẩm quyền của UBND Quận C; xét Quyết định giải quyết tiếp theo số 785/2000/QĐ-UB –TD của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, là Quyết định *có hiệu lực thi hành* (điểm a, c khoản 2 Điều 38 Luật đất đai năm 1993). Do đó các cá nhân, hộ gia đình tranh chấp đất đai, phải có nghĩa vụ chấp hành Quyết định 785/2000/QĐ-UB –TD, kể cả cơ quan có liên quan trong việc thực thi công vụ - *xác định ... phần đất còn lại (ngoài đất có mồ mã) công nhận theo hiện trạng sử dụng cho các ông bà Nguyễn Thị thê, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn V.*

Đồng thời tại văn bản số 1247/TCĐC-TTr ngày 23/9/2002 Tổng cục địa chính có thẩm tra, kiến nghị thống nhất với nội dung của Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý với kiến nghị kết luận của Tổng cục địa chính, thông qua thông báo của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 1325/VPCPII ngày 21/3/2003. Từ đó ngày 01/4/2008 Bộ Tài nguyên và môi trường đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh *tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD*. Vì Quyết định 785/2000/UQĐ-UB-TD là Quyết định giải quyết khiếu nại tiếp theo, trong đó qui định rõ UBND Quận C là cơ quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD, *công nhận theo hiện trạng sử dụng đất ...* nên ngày 03/5/2008 UBND Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 2735/UBND-PCNC chỉ đạo UBND Quận C *thực hiện Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD*.

Xét không chấp nhận ý kiến của UBND Quận C trình bày tại Tòa rằng: việc thực hiện Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD thì UBND Quận C *không cần xác định*

diện tích hiện trạng (ngoài diện tích đất có mồ mã) cho các hộ, vì do là đất của gia tộc nên quan điểm giải quyết thời điểm năm 2000 là đất gia tộc để gia tộc tự giải quyết, tự phân ranh (BL 427, 428).

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T xuất phát từ việc UBND Quận C công nhận QSDĐ cho ông V, mà bà T cho rằng QSDĐ cấp cho ông V, chồng lần phạm vi diện tích QSDĐ của bà T đang sử dụng (ngoài phần đất mồ mã);

Xét bà T có đăng ký sử dụng đất trong quá trình thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đăng ký ruộng đất, năm 1988 con của bà T – Huỳnh Thị Thu Trang có nộp thuế nông nghiệp trên phần diện tích $2.685m^2$ (Công văn số 50/CV-UB/1998 ngày 12/6/1998 của UBND phường B, xác nhận ngày 06/3/2000 của cán bộ thuế, biên lai thuế). Ngoài ra, tại Văn bản số 442/BC ngày 29/12/2008 UBND phường B, Quận C có đối chiếu với tài liệu đăng ký ruộng đất theo chỉ thị 02/CT-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (tức năm 1992) thì gia đình ông Nguyễn Văn V đăng ký kê khai rằng: bà Nguyễn Thị T có quản lý sử dụng nhà, đất $400 m^2$, phù hợp với lời khai của bà T, bà T có cất nhà cho hai con ở.

Xét năm 2009 ông V làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích $10.000m^2$ và thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định tại Khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Khoản 1, 2 Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003; cụ thể ngày 26/02/2009 UBND phường B kiểm tra, công bố danh sách công khai hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đủ điều kiện; ngày 02/3/2009 UBND phường kiểm tra thực địa, đo đạc, cắm mốc ranh đất và xác nhận ranh giới, số đo đúng với bản đồ hiện trạng vị trí của xí nghiệp thiết kế-tư vấn kinh doanh địa ốc Sài gòn lập số 42B-Q9/2009 ngày 02/02/2009, diện tích 01Ha (tương đương $10.000m^2$); cùng ngày xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng, tình trạng đất không tranh chấp; đến ngày 20/4/2009 Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Quận C; ngày 21/4/2009 Phòng Tài nguyên và môi trường Quận C kiểm tra và đề xuất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích $10.000m^2$. Ngày 28/4/2009 UBND Quận C ban hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP 110663 công nhận quyền sử dụng đất $10.000m^2$ đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 508 tờ bản đồ số 35 (theo TL BĐĐC năm 2003); so với thực tế sử dụng đất, đóng thuế của ông V trên diện tích $11.700m^2$ (theo xác nhận thuế của UBND phường B, Quận C tại Văn bản số 50/CV-UBND/1998 ngày 12/6/1998, đính kèm các biên lai thu thuế - người nộp, bà Ngô Thị kiều, Vợ của ông Nguyễn Văn V).

Xét bà T cho rằng: QSDĐ cấp cho ông V, không được hộ bà T ký giáp ranh khi đo vẽ đất. Xét tại Tòa cấp phúc thẩm, bà T khẳng định trước, trong quá trình tranh chấp, bà T, gia đình của bà T vẫn ở sinh sống tại địa chỉ nhà trên khu đất

21.020m² - thuộc đối tượng giải quyết của Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD), như vậy bà T biết việc đo vẽ, cấp QSDĐ cho ông V, nhưng bà T không khiếu nại cơ quan chức năng về quá trình kiểm tra thực địa, đo đạc, cắm mốc ranh đất, xét cấp GCNQSDĐ cho ông V;

Bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh số 119749/ĐĐBĐ-CS1 ngày 03/5/2017 (thay thế bản đồ cùng số ngày 13/10/2016) của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện ranh giới khu đất của GCNQSDĐ của ông V (ký hiệu viền xanh nhạt), chồng lấn khu đất của bà T sử dụng (viền đỏ) do bà T hướng dẫn đo vẽ (lưu ý ranh đất của bà T do bà T hướng dẫn đo vẽ);

Do đó trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp GCNQSDĐ AP 110663 cho ông V, là đúng.

Những người nhận chuyển quyền sử dụng đất từ ông V, là ngay tình, hợp pháp.

Sửa phần này của án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy GCNQSDĐ AP 110663 và trang cập nhật biến động trong GCNQSDĐ.

Mặt khác, quá trình thực hiện Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD, bà T có tranh chấp sau khi ông V được UBND Quận C cấp GCNQSDĐ AP110663.

Xét UBND Quận C V dẫn ý kiến của UBND phường B (Văn bản số 56/UBND ngày 10/3/2009): đã mời các hộ dân có liên quan, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T, nhiều lần để thực hiện Quyết định (Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD và Quyết định 87/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/8/1999) nhưng các hộ dân không hợp tác, chỉ có hộ ông V có mặt, từ đó chưa công nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng của bà T;

Bà T trình bày: không nhận thư mời của các cơ quan hữu quan, để làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất.

Tại kết quả xác minh ngày 31/01/2018, UBND phường B Quận C trả lời Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: công tác triệu tập, mời các hộ dân, bà T, ông V ... để thực hiện công nhận QSDĐ theo Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD và Quyết định 87/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/8/1999, được phát gửi qua đường bưu điện theo hình thức thông thường; Không chứng minh được rằng đã triệu tập hợp pháp đến các hộ dân;

Khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định: *Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo ... quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*
...

Khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 quy định: *Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo ... quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất*

đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...

Khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 quy định: UBND cấp huyện (hoặc tương đương) là cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, trên cơ sở kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ xin cấp giấy, bao gồm nguồn gốc, quá trình sử dụng, giấy tờ về đất đai, bản đồ địa chính, nghĩa vụ tài chính...

Do đó trách nhiệm cấp giấy CNQSDĐ thuộc về UBND Quận C.

2.2 Xét khởi kiện yêu cầu UBND Quận C đo đạc nhằm mục đích để được công nhận hiện trạng quyền sử dụng đất cho bà T theo Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000:

Đơn kháng cáo ngày 13/10/2017 của UBND Quận C không kháng cáo phần bản án sơ thẩm xử: buộc UBND Quận C phải tiến hành đo đạc, xác định ranh giới đất của các hộ sử dụng theo Quyết định số 785/QĐ-UB-TD, nên không xét lại; tuy nhiên cần chỉnh lại cho chính xác, theo hướng buộc UBND Quận C phải thực hiện công nhận hiện trạng quyền sử dụng đất của bà T, theo Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD (Điều 220 Luật Tổ tụng hành chính).

[3] Về án phí: Vụ án thụ lý theo thủ tục sơ thẩm vào năm 2013, nên án phí hành chính sơ thẩm căn cứ theo pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và thụ lý theo thủ tục phúc thẩm năm 2017, nên án phí hành chính phúc thẩm căn cứ theo Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu;

Do sửa án sơ thẩm, nên người kháng cáo – UBND Quận C không phải chịu án phí phúc thẩm; người kháng cáo vắng mặt bị sung công quỹ nhà nước tạm ứng án phí phúc thẩm theo khoản 2, 8 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 220, điểm a, b khoản 2 Điều 225, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Điểm a, c khoản 2 Điều 38 Luật đất đai năm 1993;
- Khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;
- Khoản 3 Điều 100, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013;
- Khoản 2 Điều 34 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Khoản 2, 8 Điều 34; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Khoản 1, 2 Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003;

- Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013;

Xử: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận C;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị Hương G, ông Bùi Văn Đ, ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị P Bằng, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị P Y;

- Không chấp nhận một phần khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 110663 của Ủy ban nhân dân Quận C đã cấp cho ông Nguyễn Văn V ngày 28/4/2009, phần đất diện tích 10.000 m² thuộc thửa 508 tờ bản đồ số 35, phường B, Quận C; cập nhật biến động ông Nguyễn Văn V đã chuyển nhượng cho ông Dương Ngọc T, bà Hoàng Thị Hương G, ông Bùi Văn Đ, ông Đỗ Văn H vào ngày 25/6/2009 và ông Nguyễn Văn V đã tặng cho ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị P Bằng, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị P Y vào ngày 26/11/2009.

- Căn cứ Quyết định 785/2000/QĐ-UB-TD ngày 31/01/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận C có trách nhiệm thực hiện công nhận hiện trạng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T, theo qui định pháp luật.

- Án phí hành chính sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí 200.000 đồng, căn trừ hết vào tạm ứng án phí số AA/2012/05145 ngày 27/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận C

Hoàn toàn bộ tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho Ủy ban nhân dân Quận C theo Pếu thu số AA/ 2016/0003434 ngày 12/10/2017, của Chi cục thi hành án dân sự Quận C.

Sung công quỹ toàn bộ tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, của từng người: ông Nguyễn Đình V theo Pếu thu số AA/2016/0003438 ngày 13/10/2017; ông Dương Ngọc T theo Pếu thu số AA/2016/0003458 ngày 18/10/2017; bà Hoàng Thị Hương G theo Pếu thu số AA/2016/0003441 ngày 13/10/2017, ông Bùi Văn Đ theo Pếu thu số AA/2016/0003440, ông Nguyễn Đình T theo Pếu số AA/2016/0003606 ngày 15/11/2017, bà Nguyễn Thị P Bằng theo Pếu số AA/2016/0003604 ngày 15/11/2017, bà Nguyễn Thị Mỹ C theo Pếu thu số AA/2016/0003605 ngày 15/11/2017, ông Nguyễn Đình P theo Pếu thu số

AA/2016/0003603 ngày 15/11/2017, bà Nguyễn Thị P Y theo Pếu thu số AA/2016/0003602 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận C.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM ;
- Chi cục THADS Quận C;
- TAND Quận C ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu